

Phụ lục  
ĐỀ CƯƠNG ĐỀ ÁN

“Phát triển khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2030”



Phần I  
THÔNG TIN CHUNG

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước, Đà Nẵng được kỳ vọng sẽ tiếp tục giữ vai trò tiên phong của vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ nói riêng, cả nước nói chung. Theo đó, đến năm 2030, Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và khu vực Đông Nam Á; đến năm 2050, Đà Nẵng trở thành đô thị lớn, sinh thái, thông minh, bản sắc, bền vững, ngang tầm quốc tế, giữ vai trò là đầu mối kết nối và phát triển với mạng lưới đô thị khu vực và quốc tế. Để hiện thực hóa những mục tiêu này, Đà Nẵng đã và đang triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm phát huy nguồn lực của địa phương cũng như thu hút nguồn lực trong nước và quốc tế. Trong đó, trước hết và quan trọng nhất là giải pháp về thể chế, đã được thể hiện tại Nghị quyết số 136/2024/QH15, ngày 26/6/2024 của Quốc Hội cùng với các văn bản hướng dẫn đang được khẩn trương xây dựng và đưa vào triển khai.

Cùng với xu thế phát triển chung của đất nước, khu vực và thế giới, một trong các giải pháp được Đà Nẵng lựa chọn là kinh tế tuần hoàn. Theo đó, kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Kinh tế tuần hoàn có 03 tiêu chí chung, bao gồm: (i) Giảm khai thác, sử dụng tài nguyên không tái tạo, tài nguyên nước; tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên, nguyên liệu thô, vật liệu; tiết kiệm năng lượng; (ii) Kéo dài thời gian sử dụng vật liệu, thiết bị, sản phẩm, hàng hóa, các linh kiện, cấu kiện; (iii) Hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường bao gồm: giảm chất thải rắn, nước thải, khí thải; giảm sử dụng hóa chất độc hại; tái chế chất thải, thu hồi năng lượng; giảm sản phẩm sử dụng một lần; mua sắm xanh.

Theo mục tiêu phát triển, lĩnh vực liên quan đến sản xuất có vai trò quan trọng với tỷ lệ khoảng 30% trong cơ cấu kinh tế của thành phố. Để đáp ứng mục tiêu này, các ngành sản xuất một mặt cần duy trì tốc độ tăng trưởng cao tương ứng với tốc độ chung của thành phố, mặt khác cần đáp ứng các mục tiêu sinh



thái và bền vững. Có thể nói, bối cảnh phát triển trong giai đoạn sắp tới đang đặt ra bài toán đa mục tiêu cho các doanh nghiệp sản xuất của thành phố Đà Nẵng. Theo đó, lựa chọn tất yếu duy nhất để doanh nghiệp duy trì và phát triển là đổi mới công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trong quá trình này, có vai trò và trách nhiệm đặc biệt quan trọng của các đơn vị tham mưu, hỗ trợ quản lý và triển khai cơ chế, chính sách liên quan đến khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, như: (i) Xác định hiện trạng và nhu cầu công nghệ của doanh nghiệp; (ii) Hỗ trợ tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ và đổi mới sáng tạo; (iii) Hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ của doanh nghiệp; (iv) Hỗ trợ xây dựng, triển khai lộ trình đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp; (v) Hỗ trợ kết nối mạng lưới, cung cấp dịch vụ, chuyên gia, hỗ trợ đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo;... Ngoài ra, doanh nghiệp cần các hỗ trợ khác liên quan tới thị trường, nguồn vốn, nhân lực,... các "gói hỗ trợ" này cần được "thiết kế" phù hợp đối với từng nhóm doanh nghiệp, từng lĩnh vực để phát huy hiệu quả tốt nhất.

Để đảm bảo tiến độ và chất lượng sản phẩm, trong phạm vi của đề án này sẽ tập trung giải quyết vấn đề liên quan tới công nghệ sạch và công nghệ tiết kiệm năng lượng trong sản xuất để thúc đẩy kinh tế tuần hoàn. Mặt khác, các công nghệ cần nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao phục vụ nông nghiệp tuần hoàn đã được xác định tại Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 24/01/2025 của UBND Thành phố Đà Nẵng về việc triển khai Đề án "Phát triển khoa học và ứng dụng chuyển giao công nghệ thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp đến năm 2030" trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Theo đó, các nội dung của đề án sẽ được triển khai cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp, nhằm tập trung làm rõ: (i) Phân tích tác động của sản xuất công nghiệp đối với phát triển kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng; (ii) Phân tích, xác định nhu cầu công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng trong sản xuất công nghiệp thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng; (iii) Tìm kiếm, tổng hợp thông tin công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng trong sản xuất công nghiệp thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng; (iv) Xác định các công nghệ, sản phẩm công nghệ sạch và công nghệ tiết kiệm năng lượng trong sản xuất công nghiệp ưu tiên phát triển nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng;... Trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp cụ thể về phát triển khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2030.

## **II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

### **1. Văn bản quan điểm, chỉ đạo của Trung ương**

Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 13;

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030;



Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Nghị quyết số 55-NQ/TW, ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 168/NQ-CP, ngày 29/12/2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết số 136/2024/QH15, ngày 26/6/2024 của Quốc Hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Kết luận số 69-KL/TW, ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Quyết định số 1851/QĐ-TTg, ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" (sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 26/01/2022);

Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 27/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030 ;

Quyết định số 569/QĐ-TTg, ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Quyết định số 687/QĐ-TTg, ngày 07/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam;



Quyết định số 1287/QĐ-TTg, ngày 02/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## **2. Các văn bản của thành phố Đà Nẵng**

Văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XXII và các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ thành phố qua các thời kỳ;

Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND thành phố về triển khai thực hiện Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Quyết định số 1737/QĐ-UBND, ngày 20/5/2021 của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Đề án phát triển sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035;

Quyết định số 1099/QĐ-UBND, ngày 02/4/2021 của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Đề án “xây dựng Đà Nẵng - thành phố môi trường” giai đoạn 2021 - 2030 ;

Quyết định số 2920/QĐ-UBND, ngày 30/12/2024 của Ủy Ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ban hành danh mục Đề án, dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và điều chỉnh danh mục Đề án, dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 tại Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của UBND thành phố.

## **III. MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **1. Mục tiêu nghiên cứu**

Phân tích tác động của sản xuất công nghiệp đối với phát triển kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng.

Phân tích, xác định nhu cầu công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng trong sản xuất công nghiệp thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng.

Nghiên cứu tổng hợp thông tin công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng trong sản xuất công nghiệp thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng.

Xác định các công nghệ, sản phẩm công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng trong sản xuất công nghiệp ưu tiên phát triển thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng.



Trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp cụ thể về phát triển khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2030.

## **2. Đối tượng nghiên cứu**

Các lĩnh vực sản xuất có vai trò quan trọng đối với kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng; Các cơ sở nghiên cứu liên quan đến công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng phục vụ kinh tế tuần hoàn; Các nhà hoạch định chính sách; các chuyên gia, nhà nghiên cứu;...

## **3. Phạm vi**

Đề án tập trung nghiên cứu về công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất công nghiệp thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, vì vậy các hoạt động nghiên cứu, thu thập dữ liệu, phân tích và đánh giá về thực trạng, nhu cầu sẽ được hạn chế trong khuôn khổ địa lý của thành phố Đà Nẵng; các hoạt động nghiên cứu liên quan đến nguồn cung công nghệ và các đơn vị hợp tác phát triển công nghệ sẽ không có giới hạn về phạm vi.

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

Với mục tiêu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu xác định phía trên, Đề án sẽ sử dụng các phương pháp như phân tích tổng hợp, điều tra, phỏng vấn sâu để có cái nhìn đa chiều về đối tượng tác động, cụ thể như sau:

- Phương pháp thu thập tài liệu, thông tin: Thu thập, lựa chọn tài liệu có liên quan đến nội dung và đối tượng nghiên cứu trong Đề án, giúp phân tích, đánh giá tổng hợp về các nội dung và đối tượng nghiên cứu trong Đề án.

- Phương pháp phân tích tổng hợp (meta-analysis): tổng hợp kết quả từ nhiều nghiên cứu về công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng đối với kinh tế tuần hoàn.

- Phương pháp điều tra (survey): nhằm thu thập thông tin và ý kiến từ các doanh nghiệp, chuyên gia và các bên hữu quan liên quan đến các công nghệ, sản phẩm công nghệ sạch và công nghệ tiết kiệm năng lượng cần tập trung phát triển.

- Phương pháp tham vấn ý kiến chuyên gia (interview): nhằm tiếp cận những hiểu biết chuyên sâu từ các chuyên gia, nhà nghiên cứu và doanh nghiệp, qua đó cung cấp cái nhìn sâu sắc về những công nghệ và giải pháp cụ thể để thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng.



## **IV. NHỮNG NỘI DUNG NGHIÊN CỨU CHÍNH**

### **1. Nội dung 1: Nghiên cứu cơ sở lý luận về hoạt động sản xuất công nghiệp và kinh tế tuần hoàn**

a) Báo cáo chuyên đề 01: Báo cáo tổng quan về kinh tế tuần hoàn và xu hướng phát triển kinh tế tuần hoàn;

b) Báo cáo chuyên đề 02: Báo cáo về vai trò, tác động của hoạt động sản xuất công nghiệp đối với kinh tế tuần hoàn;

c) Báo cáo chuyên đề 03: Báo cáo kinh nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn và bài học cho thành phố Đà Nẵng.

### **2. Nội dung 2: Nghiên cứu phân tích tác động của sản xuất công nghiệp đối với phát triển kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng đến năm 2030.**

a) Báo cáo chuyên đề 04: Báo cáo thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn tại thành phố Đà Nẵng;

b) Báo cáo chuyên đề 05: Báo cáo phân tích tác động của một số lĩnh vực sản xuất công nghiệp có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế tuần hoàn tại thành phố Đà Nẵng.

### **3. Nội dung 3: Nghiên cứu phân tích, xác định nhu cầu công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng đến năm 2030.**

a) Báo cáo chuyên đề 06: Báo cáo phân tích, xác định danh mục công nghệ, sản phẩm công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao cần ưu tiên phát triển nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng đến năm 2030;

b) Báo cáo chuyên đề 07: Báo cáo phân tích, xác định danh mục công nghệ, sản phẩm công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp ưu tiên cần ưu tiên phát triển nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng đến năm 2030;

c) Báo cáo chuyên đề 8: Báo cáo phân tích, xác định danh mục công nghệ, sản phẩm công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ cần ưu tiên phát triển nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng đến năm 2030;

### **4. Nội dung 4: Đề xuất giải pháp**

a) Báo cáo chuyên đề 9: Giải pháp về cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất công nghiệp nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng;



b) Báo cáo chuyên đề 10: Giải pháp hỗ trợ, khuyến khích phát triển nguồn cung, nguồn cầu công nghệ trong sản xuất công nghiệp nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng;

c) Báo cáo chuyên đề 11: Giải pháp phát triển nguồn nhân lực công nghệ trong sản xuất công nghiệp nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng;

d) Báo cáo chuyên đề 12: Giải pháp tuyên truyền, phổ biến, tôn vinh khen thưởng nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng.

e) Báo cáo chuyên đề 13: Kế hoạch các nhiệm vụ giải pháp chi tiết nhằm triển khai Đề án ‘Phát triển khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2030’.

## V. SẢN PHẨM VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

### 1. Sản phẩm cuối cùng

- Báo cáo tổng hợp Đề án “Phát triển khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2030”;

- Dự thảo Đề án “Phát triển khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2030”;

- Dự thảo Tờ trình UBND thành phố phê duyệt Đề án;

- Dự thảo Kế hoạch các nhiệm vụ giải pháp chi tiết nhằm triển khai Đề án.

### 2. Tiến độ xây dựng Đề án

Hoàn thành trong năm 2025; Cụ thể:

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian
1	Xây dựng, tổ chức lấy ý kiến góp ý, thẩm định dự toán và phê duyệt đề cương	Quý I/2025
2	Thu thập thông tin, viết các báo cáo chuyên đề thành phần và dự thảo Báo cáo tổng hợp Đề án	Quý II- IV/2025
3	Lấy ý kiến các Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện cùng các thành tố khác đối với báo cáo tổng hợp Đề án (Danh sách được đính kèm trong Phụ lục 1)	Quý IV/2025



4	Xây dựng dự thảo Đề án và tổ chức Hội thảo khoa học	Quý IV/2025
5	Hoàn thiện Đề án	Quý IV/2025
6	Tổ chức nghiệm thu	Quý IV/2025
7	Phê duyệt Đề án	Quý IV/2025

### 3. Cơ quan chủ trì thực hiện

Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng.

## VI. KINH PHÍ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Kinh phí thực hiện : 350,000,000 đồng (*Bằng chữ : ba trăm năm mươi triệu đồng*).

Xem dự toán chi tiết theo Phần II đính kèm.

2. Nguồn kinh phí xây dựng Đề án: Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2025 (kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên).



**Phần II**  
**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

*Đơn vị tính: ngàn đồng*

<b>TT</b>	<b>Nội dung các khoản chi</b>	<b>Tổng số Kinh phí</b>
<b>1</b>	Trả công lao động (khoa học, phổ thông)	258,800
<b>2</b>	Nguyên,vật liệu, năng lượng	0
<b>3</b>	Thiết bị, máy móc	0
<b>4</b>	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	0
<b>5</b>	Chi khác	91,200
	<b>Tổng cộng</b>	<b>350,000</b>



## I. CHI CÔNG LAO ĐỘNG THỰC HIỆN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ	Căn cứ đề xuất
1	2	3	4	5	6	7=3x4x5x6	8
I	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ	Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng.					
II	Nội dung nghiên cứu-Chi phí công lao động trực tiếp					258,800	Nghị quyết số 85/2023/NQ-HDND ngày 14/12/2023
1	Nội dung 1: Nghiên cứu sơ lý luận về hoạt động sản xuất công nghiệp và kinh tế tuần hoàn					36,000	
1.1	Báo cáo chuyên đề 01: Báo cáo tổng quan về kinh tế tuần hoàn và xu hướng phát triển kinh tế tuần hoàn					12,000	
	Thù lao thành viên chính	0.8	01	20,000	0.5	8,000	
	Thù lao thành viên	0.4	01	20,000	0.5	4,000	
1.2	Báo cáo chuyên đề 02: Báo cáo về vai trò, tác động của hoạt động sản xuất công nghiệp đối với kinh tế tuần hoàn					12,000	
	Thù lao thành viên chính	0.8	01	20,000	0.5	8,000	
	Thù lao thành viên	0.4	01	20,000	0.5	4,000	



1.3	Báo cáo chuyên đề 03: Báo cáo kinh nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn và bài học cho thành phố Đà Nẵng					12,000	
	Thù lao thành viên chính	0.8	01	20,000	0.5	8,000	
	Thù lao thành viên	0.4	01	20,000	0.5	4,000	
2	<b>Nội dung 2: Nghiên cứu phân tích tác động của sản xuất công nghiệp đối với phát triển kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng đến năm 2030.</b>					<b>28,800</b>	
2.1	Báo cáo chuyên đề 04: Báo cáo thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn tại thành phố Đà Nẵng					14,400	
	Thù lao thành viên chính	0.8	01	20,000	0.6	9,600	
	Thù lao thành viên	0.4	01	20,000	0.6	4,800	
2.2	Báo cáo chuyên đề 05: Báo cáo phân tích tác động của một số lĩnh vực sản xuất công nghiệp có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế tuần hoàn tại thành phố Đà Nẵng.					14,400	
	Thù lao thành viên chính	0.8	01	20,000	0.6	9,600	
	Thù lao thành viên	0.4	01	20,000	0.6	4,800	
3	<b>Nội dung 3: Nghiên cứu phân tích, xác định nhu cầu công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng đến năm 2030.</b>					<b>50,400</b>	



3.1	<p>Báo cáo chuyên đề 06: Báo cáo phân tích, xác định danh mục công nghệ, sản phẩm công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao cần ưu tiên phát triển nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng đến năm 2030;</p>						16,800	
		0.8	01	20,000	0.7	11,200		
3.2	<p>Báo cáo chuyên đề 07: Báo cáo phân tích, xác định danh mục công nghệ, sản phẩm công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp ưu tiên cần ưu tiên phát triển nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng đến năm 2030;</p>	0.4	01	20,000	0.7	5,600	16,800	
3.3	<p>Báo cáo chuyên đề 8: Báo cáo phân tích, xác định danh mục công nghệ, sản phẩm công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ cần ưu tiên phát triển nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng đến năm</p>	0.8	01	20,000	0.7	11,200		
		0.4	01	20,000	0.7	5,600	16,800	



2030;										
	Thù lao thành viên chính	0.8	01	20,000	0.7	11,200				
	Thù lao thành viên	0.4	01	20,000	0.7	5,600				
<b>4</b>	<b>Nội dung 4: Đề xuất giải pháp thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn tại thành phố Đà Nẵng</b>					<b>76,800</b>				
4.1	Báo cáo chuyên đề 9: Giải pháp về cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất công nghiệp nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng;					16,800				
	Thù lao thành viên chính	0.8	01	20,000	0.7	11,200				
	Thù lao thành viên	0.4	01	20,000	0.7	5,600				
4.2	Báo cáo chuyên đề 10: Giải pháp hỗ trợ, khuyến khích phát triển nguồn cung, nguồn cầu công nghệ trong sản xuất công nghiệp nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng;					16,800				
	Thù lao thành viên chính	0.8	01	20,000	0.7	11,200				
	Thù lao thành viên	0.4	01	20,000	0.7	5,600				



4.3	Báo cáo chuyên đề 11: Giải pháp phát triển nguồn nhân lực công nghệ trong sản xuất công nghiệp nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng;						14,400	
	Thù lao thành viên chính	0.8	01	20,000	0.6	9,600		
4.4	Thù lao thành viên	0.4	01	20,000	0.6	4,800		
	Báo cáo chuyên đề 12: Giải pháp tuyên truyền, phổ biến, tôn vinh khen thưởng nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại Đà Nẵng					14,400		
4.5	Thù lao thành viên chính	0.8	01	20,000	0.6	9,600		
	Thù lao thành viên	0.4	01	20,000	0.6	4,800		
5	Báo cáo chuyên đề 13: Kế hoạch các nhiệm vụ giải pháp chi tiết nhằm triển khai Đề án 'Phát triển khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2030'.					14,400		
	Thù lao thành viên chính	0.8	01	20,000	0.6	9,600		
6	Thù lao thành viên	0.4	01	20,000	0.6	4,800		
	<b>Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ</b>	1	01	20,000	20% x 9 = 1.8	<b>36,000</b>		
	<b>Thù lao của thư ký nhiệm vụ</b>	0.3	01	20,000	20% x 9 = 1.8	<b>10,800</b>		



7	Chi thuê chuyên gia trong nước tư vấn	1	2	10,000	20,000	Thuê chuyên gia tư vấn trong nước có trình độ đại học trở lên, có năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo để phối hợp nghiên cứu, thực hiện xây dựng Đề án. (01 chuyên gia thực hiện phối hợp nghiên cứu, 01 chuyên gia thực hiện phân biện) quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy định số 01 Nghị quyết 85/2023/NQ-HĐND của HĐND thành phố Đà Nẵng.
III	Xây dựng báo cáo tổng kết đề án	Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng.				
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>258,800</b>	



## II. CHI KHÁC

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Căn cứ đề xuất
1	2	3	4	5	6=4x5	7
1	Khảo sát thực trạng bằng hình thức gửi phiếu khảo sát đến cá nhân, tổ chức				29,000	Theo Thông tư 109/2016/TT-BTC
a	Công tác chuẩn bị điều tra, khảo sát				20,600	
-	Chi xây dựng phương án điều tra thống kê và lập mẫu phiếu điều tra thống kê	gói	1	0,000	10,000	
-	Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê	gói	1	10,000	10,000	
-	Cước bưu điện gửi công văn	thư	50	10	500	Thanh toán theo thực tế
-	In ấn tài liệu	bộ	50	2	100	Thanh toán theo thực tế
b	Tổ chức triển khai điều tra, khảo sát thu thập thông tin				8,400	
-	Tiền công thuê ngoài	ngày	22	200	4,400	Nhiệm vụ: Thu thập số liệu điều tra thống kê, phục tra phiếu điều tra thống kê, hướng dẫn đối tượng khảo sát thực hiện phiếu điều tra,... quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 3 TT 109/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)



-	Chi cho cá nhân cung cấp thông tin	người	20	50	1,000	Theo Thông tư 109/2016/TT-BTC: 50.000 đồng/phiếu đối với phiếu trên 30 chỉ tiêu.
-	Chi cho tổ chức cung cấp thông tin	tổ chức	30	100	3,000	Theo Thông tư 109/2016/TT-BTC: 100.000 đồng/phiếu đối với phiếu trên 30 chỉ tiêu. -30 doanh nghiệp lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp ưu tiên và công nghiệp hỗ trợ.
<b>2</b>	<b>Tổ chức 01 Hội thảo khoa học trực tiếp</b>				<b>43,900</b>	
a	Chủ trì	người	1	1,000	1,000	
b	Thư ký	người	1	500	500	
c	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	người	4	1,500	6,000	2 báo cáo viên là chuyên gia đến từ Hà Nội, 2 báo cáo viên là chuyên gia tại thành phố Đà Nẵng
d	Đại biểu tham dự	người	30	150	4,500	
đ	Nước uống	phần	30	20	600	
e	Công tác phí báo cáo viên				-	
-	Vé máy bay cho diễn giả (2 báo cáo viên x 2 lượt vé đi về)	cặp vé	2	4,400	8,800	
-	Phòng nghỉ khách sạn (1 đêm x 1 người x 800.000 đồng/đêm)	đêm	2	800	1,600	
-	Taxi đi lại từ nhà ra sân bay và ngược lại (100.000 đồng/người/lượt)	lượt	2	100	200	Thanh toán theo thực tế



-	Công tác phí (2 người x 2 ngày)	ngày	4	500	2,000	
g	Tài liệu Hội thảo	bộ	30	20	600	
h	Văn phòng phẩm	bộ	30	10	300	Thanh toán theo thực tế
i	Thiết kế: Backdrop, Standee In: Standee	gói	1	2,500	2,500	
k	Hội trường và trang thiết bị	gói	1	15,000	15,000	
l	Cước bưu điện gửi 30 giấy mời tham dự Hội thảo	thư	30	10	300	Thanh toán theo thực tế
<b>3</b>	<b>Chi họp Hội đồng nghiệm thu</b>				<b>9,300</b>	
a	Chủ tịch Hội đồng	người	1	900	900	
b	Thành viên Hội đồng	người	6	750	4,500	
c	Thư ký	người	1	150	150	
d	Đại biểu được mời tham dự	người	5	200	1,000	
đ	Chi nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng/01 phiếu nhận xét	phiếu	5	350	1,750	
e	Chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện Hội đồng/01 phiếu nhận xét	phiếu	2	500	1,000	
<b>4</b>	<b>Chi phí in ấn, văn phòng phẩm</b>	Gói			<b>9,000</b>	Thanh toán theo thực tế
<b>5</b>	<b>TỔNG CỘNG (1 + 2 + 3 + 4)</b>				<b>91,200</b>	